

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các địa phương, các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc xác định chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 32/TTr-STTTT ngày 02/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố năm 2023 như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các ban XD Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Khối CQ-DN tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Như điều 3 (QĐ);
- Báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH1, KSTT2, TCHC1, VX1.

CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường

Phụ lục:

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT
NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP TỈNH VÀ CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

1. Thang điểm và xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT

1.1. Thang điểm

- Thang điểm tối đa cho các cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính (TTHC) và UBND các huyện, thị xã, thành phố: **1.000 điểm**;

- Thang điểm tối đa cho các cơ quan, đơn vị đặc thù hoặc không có TTHC: **800 điểm**.

1.2. Xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT

- Mức dẫn dắt: Điểm đánh giá lớn hơn 75% tổng điểm;

- Mức nâng cao: Điểm đánh giá lớn hơn 50% và nhỏ hơn hoặc bằng 75% tổng điểm;

- Mức hình thành: Điểm đánh giá lớn hơn 25% và nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng điểm;

- Mức khởi động: Điểm đánh giá nhỏ hơn hoặc bằng 25% tổng điểm.

2. Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023

2.1. Nhóm các cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính

TT xếp hạng DTI	Tên cơ quan	Tổng điểm	Tỷ lệ so với điểm tối đa	Mức độ xếp hạng
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	731,61	73,16%	Nâng cao
2	Sở Y tế	717,70	71,77%	Nâng cao
3	Sở Thông tin và Truyền thông	708,42	70,84%	Nâng cao
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	687,53	68,75%	Nâng cao
5	Sở Tài chính	686,07	68,60%	Nâng cao
6	Sở Nội vụ	683,11	68,31%	Nâng cao
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	671,98	67,19%	Nâng cao
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	646,73	64,67%	Nâng cao
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	632,79	63,27%	Nâng cao

10	Sở Công Thương	632,68	63,26%	Nâng cao
11	Sở Tư pháp	619,38	61,93%	Nâng cao
12	Sở Khoa học và Công nghệ	589,70	58,97%	Nâng cao
13	Ban Dân tộc	574,51	57,45%	Nâng cao
14	Sở Ngoại vụ	557,32	55,73%	Nâng cao
15	Sở Du lịch	553,78	55,37%	Nâng cao
16	Sở Văn hóa và Thể thao	550,15	55,01%	Nâng cao
17	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	515,41	51,54%	Nâng cao
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	411,87	41,18%	Hình thành
	Điểm trung bình	620,60		

2.2. Nhóm các cơ quan, đơn vị không có thủ tục hành chính

TT xếp hạng DTI	Tên cơ quan	Tổng điểm	Tỷ lệ so với điểm tối đa	Mức độ xếp hạng
1	Văn phòng Tỉnh uỷ	494,41	61,80%	Nâng cao
2	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	492,79	61,59%	Nâng cao
3	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	478,49	59,81%	Nâng cao
4	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	473,65	59,20%	Nâng cao
5	Tỉnh đoàn	462,24	57,78%	Nâng cao
6	Văn phòng UBND tỉnh	456,82	57,10%	Nâng cao
7	Trường Chính trị	446,01	55,75%	Nâng cao
8	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	426,59	53,32%	Nâng cao
9	Hội Cựu chiến binh tỉnh	423,74	52,96%	Nâng cao
10	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	396,39	49,54%	Hình thành
11	Thanh tra tỉnh	387,93	48,49%	Hình thành
12	Hội nông dân tỉnh	384,82	48,10%	Hình thành
13	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	384,23	48,02%	Hình thành
14	Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp	382,69	47,83%	Hình thành
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	350,36	43,79%	Hình thành
16	Trường Cao đẳng Lào Cai	341,37	42,67%	Hình thành
17	Báo Lào Cai	321,13	40,14%	Hình thành
18	Liên đoàn Lao động tỉnh	308,07	38,50%	Hình thành

19	Ban Nội chính Tỉnh ủy	272,22	34,02%	Hình thành
20	Ban Dân vận Tỉnh ủy	251,76	31,47%	Hình thành
21	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	233,50	29,18%	Hình thành
	Điểm trung bình	389,01		

2.3. Nhóm các huyện, thị xã, thành phố

TT xếp hạng DTI	Địa phương	Tổng điểm	Tỷ lệ so với điểm tối đa	Mức độ xếp hạng
1	Thành phố Lào Cai	760,39	76,03%	Dẫn dắt
2	Huyện Bắc Hà	722,52	72,25%	Nâng cao
3	Huyện Văn Bàn	722,21	72,22%	Nâng cao
4	Huyện Bảo Thắng	701,73	70,17%	Nâng cao
5	Huyện Si Ma Cai	619,01	61,90%	Nâng cao
6	Huyện Bảo Yên	582,16	58,21%	Nâng cao
7	Huyện Bát Xát	578,03	57,80%	Nâng cao
8	Huyện Mường Khương	574,90	57,49%	Nâng cao
9	Thị xã Sa Pa	546,45	54,64%	Nâng cao
	Điểm trung bình	645,27		

./.